TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST.

Ngày: 04/7/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh; Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: ông Ngô Đức Nghiêm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 294/2022/TLST-DS ngày 27/12/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-DS ngày 23/5/2023 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vũ Thị Bầu, sinh năm 1962(có mặt)

Địa chỉ: Thôn B A, xã H A, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1976(vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994(vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996(vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Hoàng Liên, xã H A, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960(có mặt)

Địa chỉ: Thôn B A, xã H A, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Btrình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 15/6/2019(âm lịch) tức ngày 17/7/2019 (dương lịch) bà có cho bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H cùng địa chỉ chỉ: Thôn Hoàng Liên, xã H A, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang vay số tiền 513.000.000đồng và thoả thuận lãi xuất 1,2%/tháng có viết giấy biên nhận vay tiền ngày 15/6/2019 và hẹn ngày 30/5/2020 (âm lịch) sẽ trả nhưng đến nay bà S, anh T và chị H vẫn chưa trả cho bà tiền gốc và lãi nên bà yêu cầu bà S, anh T, chị H phải trả bà số tiền gốc là 513.000.000đồng và tiền lãi là 1,2%/tháng từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/6/2023 (dương lịch).

Bị đơn là bà S trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với bà Btừ khoảng năm 2010 đến năm 2018 gia đình bà có mua cám chăn nuôi của bà Bầu. Khi mua có đồng chịu đồng trả. Ngày 15/6/2019 bà Bcó chốt nợ với mẹ con bà số nợ gốc là 513.000.000đồng và lãi xuất là 1,2%/ tháng theo giấy biên nhận ngày 15/6/2019 là đúng. Do chồng bà mất năm 2020 nên bà gặp khó khăn chưa trả được cho bà Bầu, bà đề nghị được trả dần trong năm 2023.

Bị đơn là chị H, anh T đã được thông báo về việc khởi kiện nhưng không đến Toà án làm việc và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông C trình bày: ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bvà không bổ sung gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến :

Về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ –

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Bầu.

Buộc bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị Bvà ông Nguyễn Văn C số tiền còn nợ gốc là 513.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/6/2023 (dương lịch) là 289.332.000đồng. Tổng cộng 802.332.000đồng.

Về án phí: bà S, anh T, chị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do bà Bđã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ do bà Bgiao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy bà Bkhởi kiện yêu cầu bà S, anh T, chị H phải thanh toán số tiền còn nợ theo giấy biên nhận ngày 15/6/2019 (âm lịch) tức ngày 17/7/2019 (dương lịch) là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà S, chị H, anh T là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn là bà S, chị H, anh T nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Do bà Blàm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi nên vợ chồng bà S chăn nuôi có mua thức ăn chăn nuôi của bà Bầu. Quá trình mua bán vợ chồng bà S không trả tiền ngay cho bà Bầu. Vì vậy, ngày 15/6/2019 bà S, anh T, chị H đã chốt sổ với nhau và ghi giấy vay tiền ngày 15/6/2019, thoả thuận lãi xuất là 1,2%/tháng và thời hạn trả là 30/5/2020. Trong quá trình hoà giải bà S đã thừa nhận giấy vay tiền là đúng và đồng ý trả nợ cho bà Bnhưng do khó khăn nên đề nghị được trả dần nhưng bà Bkhông đồng ý. Như vậy, ban đầu quan hệ giữa bà Bvà gia đình bà S là quan hệ mua bán hàng hoá nhưng do không thanh toán được nên hai bên đã thống nhất thoả thuận

chuyển số tiền còn nợ thành khoản vay và tính lãi là 1,2%/tháng. Điều này đã được bà S thừa nhận và đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Bkhởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về lãi xuất: Theo giấy vay tiền hai bên có thoả thuận về lãi xuất là 1,2% và bà S cũng thừa nhận nên yêu cầu tính lãi của bà Blà có căn cứ nên cần chấp nhận. Tại phiên toà bà Byêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2019 (âm lịch) tức ngày 17/7/2019(dương lịch) đến ngày 17/6/2023 (dương lịch) là sự tự nguyện của bà Bvà phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Số tiền lãi bà S, chị H, anh T phải trả là:

513.000.000 x 1,2% x 47 tháng = 289.332.000đồng

[4] Về nghĩa vụ liên đới: Mặc dù chị H, anh T không có văn bản trình bày ý kiến và không đến Toà án làm việc nhưng đã được Toà án thông báo về việc khởi kiện và các văn bản tố tụng hợp pháp. Chị H, anh T có ký vào giấy vay tiền và bà S là mẹ cũng đã thừa nhận số nợ nên cần buộc bà S, anh T và chị H phải liên đới trả số tiền còn nợ cho bà Bầu, ông C là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bđược chấp nhận nên bà S, anh T, chị H phải liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ;

Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Bầu.

Buộc Bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị Bầu, ông Nguyễn Văn C số tiền gốc 513.000.000đồng và tiền lãi là 289.332.000đồng. Tổng cộng: 802.332.000đồng(tám trăm linh hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.069.000đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Oanh